

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2016



Tác giả: Nguyễn Thị Thu Vân



10/2016



LỜI MỞ ĐẦU

Trong bài hát “Đồng Nai quê tôi” của Nhạc sĩ Lê Trần Nguyễn có đoạn:

“Đồng Nai quê tôi, miền đông đất đỏ

Cây trái bốn mùa, xanh ngát nên thơ

Đồng Nai quê tôi yêu hai mùa mưa nắng

Bưởi thanh Biên Hòa và ngọt ngào Long Khánh mít thơm....”

Những điệu nhạc gọi nhắc bao điều ngọt ngào, tươi thắm của xứ sở hai mùa mưa nắng với cây trái xanh tươi. Đồng Nai, nơi của những người con đã từng sinh ra và lớn lên, những người con xa xứ hay cư dân mới đến lập nghiệp. Đồng Nai là nơi “đất lành chim đậu”, nơi của những phố xá nhộn nhịp ngày càng đi lên bên cạnh những vườn tược xanh thắm.

Sau hơn 300 năm hình thành và phát triển, mảnh đất Đồng Nai non trẻ ngày nào đã có nhiều đổi thay theo nhịp sống đô thị. Song, những dấu tích lịch sử vẫn mãi trường tồn theo năm tháng để nhắc nhở con cháu về những giá trị thiêng liêng của cha ông. Mỗi một con đường, ngõ xóm đều là những nhắc nhở sống động về một thời đã qua, đó có thể là cách đặt tên, cách gọi những địa danh đã đi theo năm tháng...

Đến Đồng Nai, người ta khó có thể nhớ hết tên các con đường mà mình đã đi qua, nhưng cũng thật dễ để nhớ tên của một con đường nào đó. Sẽ không mấy xa lạ với con đường như đường Nguyễn Ái Quốc, đường Dương Tử Giang, đường Huỳnh Văn Lũy, đường Cách Mạng Tháng Tám,... Mỗi con đường có một cái tên, và mỗi một tên gọi đều có một ý nghĩa của riêng nó. Xin được giới thiệu một con đường khác, tên gọi khác và ý nghĩa thì không chỉ của riêng nó, mà của chính chúng ta, những người gọi nhau tiếng gọi đồng bào và từng một lần yêu thương xứ sở Đồng Nai nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung: con đường mang tên Bùi Hữu Nghĩa.

Từ đường Bùi Hữu Nghĩa qua cầu Hóa An theo đường Nguyễn Ái Quốc, chúng ta sẽ nhìn thấy tượng đài chiến thắng sân bay Biên Hòa (Cạnh thư viện tỉnh Đồng Nai và Khu liên hợp văn hóa - thể thao Đồng Nai), nơi diễn ra trận đánh tập kích sân bay Biên Hòa 1964. Sự kiện có ý nghĩa đặc biệt với không chỉ những người lính, những người dân địa phương mà còn có ý nghĩa với những người yêu nước và không ngừng nhắc nhở mình tốt hơn từng ngày khi nhìn lại những hy sinh, mất mát anh dũng cho cha anh ngày trước. Trong khuôn khổ nội dung bài dự thi Tìm Hiểu Giá Trị Văn Hóa – Lịch Sử tỉnh Đồng Nai 2016 xin được giới thiệu và trình bày những hiểu biết và suy nghĩ của cá nhân tác giả về sự kiện năm 1964 “Trận đánh sân bay Biên Hòa” ngày ấy...

Cuối cùng, thay cho lời kết, xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến các đơn vị hỗ trợ trong quá trình tham gia Hội Thi Tìm Hiểu Giá Trị Văn Hóa – Lịch Sử tỉnh Đồng Nai: Cơ quan thông tin tư liệu (Thư viện tỉnh Đồng Nai, Thư viện Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn tp.HCM), ban quản lý các di tích lịch sử đã cung cấp các tư liệu, thông tin có ích và cho phép tham quan để tác giả hoàn thành nội dung bài dự thi; Xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình và những người thân yêu đã nhiệt tình ủng hộ và động viên trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu tư liệu.

A. CẢM NHẬN VỀ TIỂU SỬ NHÂN VẬT BÙI HỮU NGHĨA ĐƯỢC CHỌN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

I. Sơ lược về Bùi Hữu Nghĩa

1. Tiểu sử Bùi Hữu Nghĩa

Bùi Hữu Nghĩa, sinh năm 1807 (năm Đinh Mão), mất năm 1872 – thọ 62 tuổi.

Bùi Hữu Nghĩa, hiệu là Nghi Chi, Liễu Lâm chủ nhân, người làng Long Tuyền, trước thuộc Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh (Vĩnh Long) sau thuộc tỉnh Cần Thơ (nay là làng Long Tuyền, thuộc TP.Cần Thơ). Thân phụ ông là Bùi Hữu Vi, xuất thân nghề chài lưới.

Bùi Hữu Nghĩa là nhà thơ tiêu biểu của vùng Nam Bộ thế kỷ 19.

Thuở nhỏ ông lên Biên Hòa ngụ nơi nhà ông Hộ trưởng Nguyễn Văn Lý, học với ông đồ Hoàng ở làng Mỹ Khánh, tổng chánh Mỹ Thượng (nay là phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa).

Năm 1835, tức năm Minh Mạng thứ 16, ông đỗ giải Nguyên trường thi Gia Định, lúc 28 tuổi. Sau đó bổ làm Tri huyện Phước Long, tỉnh Biên Hòa, rồi thuyên bổ Tri huyện Trà Vang (tức Trà Vinh, nay thuộc tỉnh Trà Vinh)

Sau khi nhận chức ở Biên Hòa, thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa đã kết duyên với bà Nguyễn Thị Tôn, là con gái của ông đồ Hoàng.

Bùi Hữu Nghĩa là con người cương trực, trong nhiều tài liệu ghi chép ông từng đương đầu với đám cường hào ác bá tại Trà Vinh, bị quan trên tham nhũng cáo gian, tìm cách hãm hại. Khi đó, vợ ông là bà Nguyễn Thị Tôn đã ngò ghe bầu ra tận kinh đô kêu oan với triều giúp ông thoát khỏi lao tù, nhưng phải sung quân



(1807-1872)

và đóng đồn ở Vĩnh Thông (Châu Đốc). Bà Tồn từ ngoài kinh đô trở về, đi đến nửa đường thì bệnh mất.

Bà Nguyễn Thị Tồn là người phụ nữ trung trinh và làm rạng danh phụ nữ xứ Đồng Nai – Nam Bộ qua truyền kỳ lịch sử “một mình vượt vạn dặm ra kinh đô Huế để minh oan cho chồng”

Bùi Hữu Nghĩa đóng quân ở Tịnh Biên được một thời gian, ông xin giải ngũ về quê Long Xuyên sống đời ẩn dật. Tại đây ông làm nghề thuốc và dạy học.

Tài đức của Bùi Hữu Nghĩa được các sĩ phu và nhân dân trọng vọng, yên mến.

Bùi Hữu Nghĩa là một trong những thành viên nhóm Bạch Mai thị xã của danh sĩ Tôn Thọ Trường (1825 – 1887) ở Gia Định.

Bùi Hữu Nghĩa là bạn cùng chung chí hướng với các sĩ phu và nhà thơ yêu nước như: Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888), Phan Văn Trị (1830 – 1910), Huỳnh Mẫn Đạt (1807 – 1882)...

Những tác phẩm Bùi Hữu Nghĩa để lại có thể kể đến như vở tuồng Kim Thạch kỳ duyên. Ngoài ra còn có bài thơ thể thất ngôn bát cú Đường luật viết về cảnh, vịnh vật, văn tế vợ và con gái.

Năm Nhâm Thân 1872, ngày 21 tháng giêng âm lịch, ông mất, thọ 65 tuổi.

Sau ngày thống nhất đất nước, mộ của Bùi Hữu Nghĩa, được chỉnh trang nhiều lần và Bộ Văn hóa Thông tin công nhận mộ Thủ khoa hiện nay là một di tích lưu niệm danh nhân vào ngày 25 tháng 1 năm 1994. Mộ ông nay còn tại Bình Thủy (TP. Cần Thơ).

2. Nơi thờ tự Bùi Hữu Nghĩa

Trải qua bao năm tháng hình thành và xây dựng Biên Hòa – Đồng Nai từ thuở khai khẩn và chiến đấu gìn giữ đất nước, đến nay đã hơn 300 trôi qua, những gương mặt tiêu biểu cho vùng đất giàu có, trù phú và lắm người tài đức không phải là ít. Họ đã để lại những bài học sâu sắc và giá trị tinh thần cao cả. Bùi Hữu Nghĩa là một tiêu biểu cho lý lẽ sống, làm việc và học tập. Hơn hết, Bùi Hữu Nghĩa còn là gương sáng về tinh thần yêu nước thương dân, sẵn sàng đứng ra bảo vệ kẻ yếu thế, chẳng quản hiểm nguy của bản thân là đáng điều tự hào và không phải dễ dàng tìm thấy. Việc truyền tải những giá trị đạo đức tốt đẹp là rất cần thiết và nên được thường xuyên thực hiện để những người đời sau tiếp nhận và phát huy bền vững những điều tốt đẹp ấy. Bày tỏ lòng biết ơn và tôn kính đến thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, những trường học, con đường, ... đã lấy tên ông để đặt tên như một niềm tự hào của thế hệ sau dành cho thế hệ trước, đồng thời ghi nhớ công ơn của ông lúc sinh thời.

Xin được giới thiệu ba nơi thờ tự Bùi Hữu Nghĩa: Đình Bình Thủy (Cần Thơ); Khu tưởng niệm Bùi Hữu Nghĩa (Cần Thơ)

2.1. Bùi Hữu Nghĩa được thờ tự trong các Đình, Chùa

2.1.1. Đình Bình Thủy

Đình Bình Thủy hay còn gọi là Long Tuyền Cổ Miếu, là ngôi đình thần ở Cần Thơ. Đình tọa lạc tại phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Đình Bình Thủy là công trình kiến trúc nghệ thuật cổ truyền có giá trị về văn hóa – lịch sử của người Việt thời khai hoang miền Tây Nam Bộ.

Năm 1844, làng Long Tuyền gặp phải thiên tai bão lũ, làm cho nhà cửa ruộng vườn tiêu tan, cuộc sống những con người nơi đây rơi vào cảnh khốn cùng – đói rét. Với tinh thần chịu thương chịu khó, không rời bỏ quê hương và tích cực xây dựng làng sau thiên tai, làng Long Tuyền dần khôi phục lại diện mạo. Đồng

thời, ngôi đình cũng được cho dựng lại chủ yếu là bằng tre gỗ và lá để phù hộ cho mưa thuận gió hòa.

Năm 1853, sau khi vua Tự Đức ban sắc phong thần cho làng là Bản Cảnh Thành Hoàng (29/11/1852), đình được xây dựng lại lần thứ hai. “Lần này lợp ngói phía trước đình để xây thêm một nhà võ ca (thường dùng để làm Nhà hát bộ, trong đó có một sân khấu nhỏ, thấp, bằng gỗ để cho các đoàn hát đến biểu diễn cho bà con thưởng ngoạn). Theo cuốn "Cần Thơ xưa và nay" của tác giả Huỳnh Minh thì đình này còn thờ Trầm Hương công chúa và Huệ Cơ công chúa nhưng cũng không có sự tích. Sau này nhân dân còn đưa thêm những người có công với nước vào thờ như: Đình Công Tráng, Nguyễn Trung Trực, Bùi Hữu Nghĩa, Võ Huy Tập...” (nguồn: vi.wikipedia.org)

Năm 1909, đình được xây dựng lại mới hoàn toàn. “Nguyên vào năm 1904, quan tri phủ Nguyễn Đức Nhuận thấy đình sập sập, đề nghị cất lại đình ở ngã tư trên sở đất của làng rộng 2,9 ha, ông La Xuân Thanh, nghiệp chủ giúp đỡ tiền và chỉ huy xây dựng. Chẳng may quan tri phủ qua đời, công việc bị đình trệ. Năm 1909 ông cả Nguyễn Doãn Cung cùng ông thông gia điền chủ đồng tán thành ý kiến xây dựng lại ngôi đình lần thứ ba cũng tại chỗ cũ (vàm Bình Thủy) với số tiền chung là 5.823 đồng Đông Dương. Công việc xây dựng được khởi công từ ngày 12 tháng 7 năm 1909 đến 1910 thì hoàn thành. Công việc xây dựng được tiến hành tốt đẹp với sự thiết kế của ông Huỳnh Trung Trinh.” (nguồn: vi.wikipedia.org)

2.1.2. Chùa Nam Nhã (Nam Nhã Phật Đường)

Chùa Nam Nhã tọa lạc tại 612, đường Cách Mạng Tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Chùa Nam Nhã trực thuộc Giáo hội Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo, chùa gắn liền với nhiều hoạt động yêu nước của các sĩ phu và người dân Việt Nam. Chùa được công nhận là Di tích Lịch sử cấp Quốc Gia ngày 25/01/1991

Năm 1890, học trò của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa là Nguyễn Giác Nguyên, cho lập một tiệm thuốc Bắc, lấy tên là Nam Nhã Đường tại vàm sông Bình Thủy, đối diện đình Bình Thủy, đây còn là nơi liên lạc và tập hợp những người yêu nước, để gây dựng phong trào chống Pháp.

Đến năm 1895, nhân đạo Minh Sư du nhập vào, ông cho dẹp tiệm thuốc bắc và xây dựng một ngôi chùa lấy tên là Nam Nhã Đường, đưa cuộc đấu tranh ẩn mình vào hình thức tôn giáo.

“Chính điện được lợp ngói âm dương trên có hình lưỡng long tranh châu. Bộ vì mái làm theo kiểu vì kèo đặt trên bảy hàng cột tròn, vuông (bằng gỗ, bê tông) dưới mỗi cột đều có chân đế bằng đá. Bên trong chính điện, gian trung tâm được bày trí rất trang trọng dùng làm nơi đặt bàn thờ sư cụ Nguyễn Giác Nguyên Quan Thánh Đế quân và Lịch Đại Tổ sư đối diện với ban thờ Tam giáo là nơi thờ trấn đàn hộ pháp Bùi Hữu Sanh và nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa. Hai bên tiền điện có 2 bàn hương án đặt bày vì của các nhà sư trụ trì (Nam tử, Nữ hữu)” (nguồn: <http://cantho.gov.vn/>)

2.2. Khu tưởng niệm Bùi Hữu Nghĩa ở Cần Thơ

Khu tưởng niệm Bùi Hữu Nghĩa nằm trên đường Huỳnh Mẫn Đạt, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Năm 1872, mộ Bùi Hữu Nghĩa được xây bằng đá ong.

Năm 1987, chính quyền tỉnh Cần Thơ đã cho trùng tu lại khu mộ (gồm một nhà thờ nhỏ và ngôi mộ), và mở rộng diện tích (530 m²).

Ngày 25 tháng 1 năm 1994, Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã ký Quyết định số 152 QĐ/BT công nhận khu mộ là di tích "Lịch sử Văn hóa cấp quốc gia" (ngày 19 tháng 10 năm 2011 bằng di tích được cấp lại, và đổi tên là "Di tích Quốc gia").

Từ năm 2010 đến 2012, khu mộ Bùi Hữu Nghĩa được chính quyền cho xây dựng mới, gồm có: mộ, nhà bia, nhà thờ, nhà khách, nhà trưng bày. Tất cả đều được xây theo lối kiến trúc cổ trên một diện tích hơn 1 ha, và đặt tên là "Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa". Công trình đã được khánh thành vào ngày 1 tháng 3 năm 2013, nhân lễ giỗ thứ 141 của Bùi Hữu Nghĩa.

Có thể nói, khu tưởng niệm không chỉ là nơi bày tỏ lòng biết ơn và ghi nhớ công ơn người có công với đất nước mà nó còn là nơi nhắc nhở người có công – tài – đức. Hơn thế nữa, đó còn là nơi để nhân dân địa phương và những người yêu nước bày tỏ lòng biết ơn những người xây dựng và làm vang danh BH – ĐN. Đồng thời, tôn vinh tấm gương sáng để thế hệ sau này noi theo và học tập không ngừng.

II. Những bài học mang ý nghĩa sâu sắc từ Bùi Hữu Nghĩa

1. Bùi Hữu Nghĩa – Tấm gương về đức độ và tài năng

1.1. Bài học về tinh thần học tập

Càng tìm hiểu về Bùi Hữu Nghĩa, càng hiểu và càng biết thêm nhiều điều mới lạ. Trước hết, Bùi Hữu Nghĩa là một người tài năng và đức độ. Năm 1835, tức năm Minh Mạng thứ 16, ông đỗ giải Nguyên trường thi Gia Định, lúc 28 tuổi; Sau đó bổ làm Tri huyện Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Nhắc đến Bùi Hữu Nghĩa, người ta không thể nào quên hai câu thơ:

“Đồng Nai có bốn rông vàng

Lộc họa, Nghĩa phú, Sang đàn, Nghĩa thi.”

Năm 1835, tức năm Minh Mạng thứ 16, ông đỗ giải Nguyên trường thi Gia Định, lúc 28 tuổi. Sau đó bổ làm Tri huyện Phước Long, tỉnh Biên Hòa, rồi thuyên bổ Tri huyện Trà Vang (tức Trà Vinh, nay thuộc tỉnh Trà Vinh)

Xã hội ngày nay đã có những tiến bộ vượt bậc, xuất hiện những loại hình học tập mới và các công cụ trợ giúp hiệu quả cho quá trình học tập. Nguồn tài nguyên thông tin cho quá trình tiếp nhận và trau dồi thành tri thức và ứng dụng cho các hoạt động trong cuộc sống và phát triển đất nước là vô cùng lớn. Tinh thần học tập hăng say, không ngừng tìm kiếm những tri thức mới trở thành điều cốt lõi và có giá trị thiết thực hơn bao giờ hết. Đứng dưới góc nhìn lịch sử thì đó là sự tiếp nối truyền thống hiếu học bao đời nay. Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa là một trong những người đã đóng góp vào đó những viên gạch vững chắc cho lòng ham học.

Bản thân là những học sinh, sinh viên đang ngồi trên ghế nhà trường, đại diện một phần không nhỏ cho những người thuộc thế hệ tiếp nối, việc rèn luyện khả năng tự học và vận dụng vào kỹ năng sống như một người chiến sĩ tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước. Học tập là chìa khóa của mọi thành công! Những tấm gương của các danh nhân nước Việt về học tập để lại dấu ấn trong lịch sử có thể kể đến như: Lê Quý Đôn, Bùi Hữu Nghĩa, Hồ Chí Minh, Nguyễn Công

Hoan, Nguyễn Tuân, Trần Quốc Vượng, Ngô Bảo Châu. ... Họ là những minh chứng sống động cho thái độ học tập siêng năng, cần mẫn không kể lúc nào, không kể đó là khi trẻ hay đã có được những thành công lớn. Học hỏi không ngừng không chỉ để có kiến thức hay sự hiểu biết mà còn để có được vị trí trong xã hội để phục vụ cho đất nước, mang lại lợi ích tốt đẹp cho nhân dân, cho những người cùng chảy trong mình dòng máu quê hương.

Tinh thần học tập suốt đời không chỉ dừng lại ở riêng một cá nhân hay thế nào, nó tiếp nối từ đời này sang đời khác, càng ngày càng được vun đắp. Như Lê Nin có nói: “học, học nữa, học mãi” đã đề cao tinh thần tự học và học tập suốt đời. Tấm gương Bùi Hữu Nghĩa là tài năng và lòng ham học hỏi, cố gắng học tập không ngừng và phấn đấu trở thành người có ích cho đất nước. Tài năng của ông không chỉ là những tác phẩm văn thơ mà ông để lại, đó còn là tính cương trực, tài xử án công chính, trừ trị kẻ có tội, mang lại niềm tin vào lẽ phải cho người dân hiền lương.

1.2. Bài học về tính cương trực, thanh liêm trong công việc

Bùi Hữu Nghĩa, một Thủ Khoa tài năng, một vị quan liêm chính, một người chồng yêu thương vợ, một người nhà thơ – nhà soạn tuồng nổi tiếng và là một thầy thuốc tận tụy Hơn thế, ông còn là một nhà yêu nước thời cận đại, xứng đáng là một danh nhân văn hóa của đất nước. Tình yêu thương gia đình gắn với tình yêu thương đất nước, tài năng thi phú và đức độ thanh liêm của Bùi Hữu Nghĩa vẫn luôn là tấm gương sáng cho thế hệ những người trẻ noi theo. Giữa cuộc đời của một vị quan kiên cường chống áp bức, bóc lột, cường quyền có những thăng trầm, những hiểm nguy... song, không gì có thể khuất phục được. Vượt lên những rào cản xã hội, bỏ qua những giáo điều phong kiến với ngòi bút sắc sảo và danh thếp nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa cổ vũ tinh thần yêu nước, ngợi ca dân tộc, phụ nữ, đấu tranh chống lại bọn xâm lược và bè lũ tay sai,...

Dù là quan lớn, nhưng Bùi Hữu Nghĩa luôn bênh vực dân, không ít lần, ông đã công tâm xử trí những kẻ bạo quyền, hà hiếp người hiền lương, thẳng tay trừng trị những kẻ hối lộ, gian ác. Vì vậy, ông được người dân thương mến và cảm mộ cả tài năng và đức độ. Chính vì lẽ đó, những quan chức tham lam đã mang lòng ganh ghét, đố kỵ và mưu toan hãm hại ông. Giữa chốn quan trường không thể tránh khỏi những hiểm nguy rình rập từ bọn quan tham, dẫu vậy, với tính tình cương trực, ông không những không lo sợ mà còn đứng lên bảo vệ những người dân hiền lành chân chất. Không thiên vị hay ưa thói xu nịnh từ bọn quan tham, trái lại, ông còn thẳng tay trừng trị những kẻ lạm quyền, ỷ thế hiếp yếu.

Đúng như Hồ Chí Minh từng viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính
Thiếu một mùa, thì không thành trời
Thiếu một phương thì không thành đất
Thiếu một đức thì không thành người”

Trong đời sống hiện đại, đặc biệt là trong quá trình xây dựng đất nước trong thời đại mới, những đức tính đáng quý như ở Bùi Hữu Nghĩa là một trong những điều đáng để học hỏi và phải có trong mỗi người, không chỉ riêng ở cá nhân nào. Tính cương trực và thanh liêm trong công việc không những mang lại hiệu quả cho quá trình đạt mục tiêu chung của tập thể mà còn hướng đến xã hội công bằng, tạo điều kiện cho những giá trị nhân văn phát triển.

1.3. Bài học về lòng thủy chung son sắc, yêu thương gia đình

Năm 1848, khi đang làm quan tri huyện Trà Vang (nay là Trà Vinh), nhân sự kiện dân chúng nổi dậy tranh chấp rạch Láng Thέ, những quan chức đang mưu toan hại ông đã cùng nhau ghép tội ông xúi giục, bắt giam rồi giải ông về Gia Định chờ xử tử.

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Tồn, khi hay tin dữ từ chồng, bà từ Trà Vang lên Mỹ Tho rồi quá giang ghe bầu ra Huế để kêu oan cho chồng. Tại kinh thành Huế, bà gặp được Thượng thư Bộ Lại Phan Thanh Giản bày tỏ nỗi niềm của chồng và được giúp đỡ. Vị minh quan viết tờ trạng và chỉ vẽ cho bà cách trình tấu nơi công đường để kêu oan.

Bà Nguyễn Thị Tồn đến Tam pháp ty mạnh dạn đánh ba hồi trống làm kinh động nơi tam cung lục viện. Vua Tự Đức cho đòi người đánh trống vào chầu. Trước mặt vua và quan triều đình, bà trình bày nỗi oan khiên của chồng là Bùi Hữu Nghĩa đang gánh chịu. Vua Tự Đức nghe xong, giao cho Bộ Hình xem xét. Sau khi thẩm định minh bạch, nhà vua chung thẩm bản án: "Tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tội tử hình nhưng phải quân tiền hiệu lực, đái công chuộc tội".

Sau đó, bà Nguyễn Thị Tồn được vua Tự Đức ban võng điều có bốn lọng, nơi đầu võng có gông nhỏ sơn son, ngầm ý khen bà là người trung trinh, gan dạ song cũng thâm trách bà đã làm kinh động đế đô. Hoàng thái hậu Từ Dũ nghe tin, cho bà vào gặp mặt. Cảm kích trước một người phụ nữ dân dã từ xứ Đồng Nai không ngại khó từ nan, thân gái dặm trường đến chốn kinh thành minh oan cho chồng nên hoàng thái hậu tỏ lời khen gương tiết nghĩa, đáng mặt nữ lưu. Khi bà Nguyễn Thị Tồn về đến quê thì Bùi Hữu Nghĩa khâm mệnh đi trấn đồn Vĩnh Thông (thuộc Châu Đốc - An Giang). Tại Biên Hòa, bà Nguyễn Thị Tồn lâm trọng bệnh qua đời. Bùi Hữu Nghĩa vì xa xôi cách trở không về lo đám tang được cho vợ. Những mất mát chốn quan trường không làm Bùi Hữu Nghĩa than vãn nhưng ông đau đớn tận cùng trước sự ra đi của người vợ hiền, vì ông mà lao tâm khổ tứ.

Bùi Hữu Nghĩa đã viết văn tế cho vợ với nỗi niềm: "Ta nghèo, mình hay giúp đỡ; ta tội, mình biết kêu oan, trong triều ngoài quận đều khen mình mới thật là vợ. Mình bịnh, ta không thuốc thang; mình chết, ta không chôn cất; non sông cười ta chẳng xứng gọi là chồng...".

Nhớ vợ và nhắc đến hành động đánh trống kêu oan nơi kinh thành, Bùi Hữu Nghĩa tỏ lòng mến phục: "... Nơi kinh quốc ba hồi trống gióng, biện bạch này oan nọ ức, đáng hiền lương mắt thấy thấy đau lòng. Chón tỉnh đường một tiếng thét vang, hấn hời lẽ chánh lời nghiêm, lũ băng đảng tai nghe ã khiếp vía".

Hình ảnh người phụ nữ Nguyễn Thị Tồn không quản ngại hiểm nguy và khó khăn để minh oan cho chồng trong xã hội phong kiến thời bấy giờ đáng để người đời khâm phục và nhắc nhớ mãi về sau. Ở bà hiện lên chân dung người phụ nữ chung thủy, hết mực vì chồng và gan dạ. Có thể nói, Nguyễn Thị Tồn đã vẽ nên chân dung người phụ nữ đất Biên Hòa – Đồng Nai đáng tự hào và đầy ngưỡng mộ. Có lẽ chính vì thế mà Thái hậu Từ Dũ đã hết lời khen ngợi và tặng bà danh hiệu “TIẾT PHỤ KHẢ GIA” vẫn còn truyền mãi đến hôm nay.

Đã chẵn ba năm mới đặng thăm

Màn loan đâu vắng bật hơi tăm

Chỉ với hai câu thơ vĩnh biệt người vợ của Bùi Hữu Nghĩa đã thể hiện tâm trạng nhớ thương, nặng tình. Gắn với hình ảnh người vợ “TIẾT PHỤ KHẢ GIA”, Bùi hữu Nghĩa là người chồng yêu thương vợ, luôn ghi nhớ tấm lòng của vợ. Mặc dù cứu được chồng thoát khỏi án oan, xong vẫn phải chịu cảnh vợ chồng xa cách. Bùi Hữu Nghĩa phải nhận lệnh đọa công chuộc tội, làm lính ở đồn Vĩnh Thông tổng Châu Đốc. Bà Nguyễn Thị Tồn trên đường trở về Biên Hòa đã lâm trọng bệnh và qua đời. Nghe tin vợ mất, ông không thể quay về an táng bà ngay lập tức vì đang nơi biên trấn xa xôi. Đến khi về đến Biên Hòa thì việc an táng của bà Tồn đã xong. Điều này đã làm ông đau đớn, xót thương người vợ quá cố. Trong văn tế vợ của mình, có đoạn ông viết: “Phụng lia đôi chéch mác, đừng nói sửa sang

giềng mối, khi túng thiếu manh quần tấm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ. Gà mất mẹ chít chiu, đừng nói nhắc biểu học hành, khi lạt thềm miếng bánh đồng gàng, biết theo ai mà thỏ thẻ...”

2. Con đường mang tên Bùi Hữu Nghĩa – nơi gọi nhắc về những đức tính đáng quý trong cuộc sống

Với những công lao của Bùi Hữu Nghĩa, nhân dân không biết ơn và ghi nhớ đến tài năng và đức độ của ông mà còn lưu dấu lại qua nhiều hình thức khác nhau. Những tác phẩm ông để lại không chỉ được đến rộng rãi mà còn trở thành niềm tự hào cho người địa phương. Những con đường, những trường học mang tên Bùi Hữu Nghĩa được đặt tên trải dài khắp các tỉnh – thành trên đất nước.

Ở Đồng Nai, để tưởng nhớ đến công lao của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, nhân dân và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai quyết định lấy tên ông để đặt cho con đường trải dài từ phường Tân Vạn (tỉnh lộ 16 cũ) đến cầu Ông Tiếp (giáp danh với tỉnh Bình Dương). “Đường Bùi Hữu Nghĩa nối quốc lộ 1A đi qua các phường Tân Vạn, Bửu Hòa, xã Hóa An và xã Tân Hạnh đến huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) và được xem là con đường huyết mạch của TP Biên Hòa. Từ khi con đường được nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đã giúp bà con trong phường Tân Vạn thuận lợi về giao thông, thông thương giữa Đồng Nai – thành phố Hồ Chí Minh – Bình Dương – Vũng Tàu” (thuviendongnai.gov.vn)

Với chiều rộng 12m, dài 9.100m, đường Bùi Hữu Nghĩa là nơi có nhiều cơ quan tọa lạc như: Trường THCS Tân An, Trung tâm y tế xã Hóa An, chợ Bửu Hòa, Công An phường Bửu Hòa, trường THCS Trần Văn Ơn,... và nhiều công ty, nhà máy, xí nghiệp của trong và ngoài nước đầu tư, xây dựng.

Đường Bùi Hữu Nghĩa giao với các con đường như: Hoàng Minh Chánh, Nguyễn Thị Tồn, Nguyễn Tri Phương, Huỳnh Mẫn Đạt,...

Ngoài Đồng Nai, Bùi Hữu Nghĩa còn là tên gọi của nhiều con đường và trường học thuộc các địa phương khác. Trước năm 1975, tại thành phố Cần Thơ tên đường Bùi Hữu Nghĩa được đặt cho một phần quốc lộ 4 cũ (nay đổi thành quốc lộ 1), đoạn từ phà (bắc) Cần Thơ cho tới Ngã tư Bến xe Cần Thơ cũ (lúc bấy giờ lại gọi là Bến xe mới) với chiều dài gần 1 cây số. Sau năm 1975, đường này đã được đổi tên thành đường Trần Phú cho đến ngày nay. Tuy nhiên, cũng ngay sau đó chính quyền mới đã cho đặt tên đường Bùi Hữu Nghĩa cho một đoạn của đường hương lộ (nay đã đổi thành tỉnh lộ) ngay tại khu vực chợ Bình Thủy vốn là quê hương của ông. Hiện nay toàn bộ tuyến đường tỉnh lộ này với chiều dài hơn 10 cây số đều đã mang tên là đường Bùi Hữu Nghĩa...



Đường Bùi Hữu Nghĩa – hình ảnh trên internet

B. SỰ KIỆN LỊCH SỬ TRẬN ĐÁNH SÂN BAY BIÊN HÒA 1964 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM

I. Sơ lược về Sân bay Biên Hòa

Sân bay Biên Hòa (còn gọi là Căn cứ không quân Biên Hòa) cách thành phố Hồ Chí Minh 30km, nằm ở thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. “Sân bay Biên Hòa là sân bay quân sự của chính quyền Sài Gòn. Diện tích sân bay rộng khoảng 49 km² với 2 đường băng dài 3.600m, 1000m. Hệ thống phòng thủ sân bay nhiều tầng lớp rào, canh gác cẩn mật và có hệ thống radar, chỉ huy liên lạc hiện đại. Bên trong sân bay có 6 khu vực rộng chứa từ 170 đến 190 máy bay và khu làm việc của 500 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật và binh lính Mỹ. Nơi đây, địch tập trung nhiều loại máy bay quân sự phục vụ cho yêu cầu chiến tranh, đặc biệt, đánh phá, tấn công vào lực lượng cách mạng ở miền Đông Nam Bộ.” (<http://thuviendongnai.gov.vn/>)

Sân bay Biên Hòa là căn cứ quan trọng của địch đối với cả miền Nam, đây là nơi xuất phát các đợt máy bay bắn phá, rải chất độc hóa học. Trận đánh đầu tiên là đêm 31/10/1964, đoàn pháo binh U80 miền Đông, tạt kích sân bay phá hủy và làm hư hại 59 máy bay các loại, 1 kho đạn pháo, 1 đài quan sát, tiêu diệt nhiều sĩ quan, binh lính địch. Chiến thắng này có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh đặc biệt của địch.

Đêm 03/02/1967, đặc công Ú đợt nhập sân bay Biên Hòa đặt mìn làm nổ tung kho nhiên liệu, đốt cháy 10 lít xăng dầu của địch

Đêm 12/05/1967, các đơn vị trung đoàn pháo 274, trung đoàn 3 ộ binh, tiểu đoàn Phú Lợi đồng loạt nổ súng vào sân bay phá hủy 150 máy bay, nhiều phương tiện chiến tranh và sinh lực Mĩ – Ngụy.

Sau ngày 30/04/1975, sân bay Biên Hòa được Không quân Nhân dân Việt Nam tiếp quản sử dụng quân sự. Đơn vị đóng quân: Trung đoàn không quân tiêm kích 935 (Đoàn Biên Hòa) thuộc sư đoàn 370. Biên chế trang bị sẵn sàng chiến

đầu: Su 30 MK2V (đóng vai trò chủ lực), một số cường kích A37, tiêm kích F5 (không còn hoạt động và được niêm cất)

II. Sự kiện lịch sử: Trận đánh sân bay Biên Hòa đêm 31/10/1964

Sau hơn 50 năm trôi qua, lịch sử của vùng đất Biên Hoà, Đồng Nai đã ghi lại thời khắc 23 giờ 20 phút, ngày 31 tháng 10 năm 1964 như một minh chứng cho tinh thần giải phóng dân tộc của những người lính. Những đòn hỏa lực mãnh liệt, chính xác của Đoàn U80 (Tiền thân của Lữ đoàn Pháo binh 75 ngày nay) đã làm cho quân giặc Mỹ ở sân bay Biên Hòa thời bấy giờ phải khiếp vía, kinh hoàng, 59 chiếc máy bay các loại bị phá hủy, 18 căn lán trại, nhiều kho xăng dầu cùng hàng trăm tên giặc lái quân chư hầu phục vụ phải phơi xác, làm thất bại hoàn toàn âm mưu chiến lược của Mỹ, mở ra một lối đánh mới của Pháo binh miền Đông Nam bộ, đó là lối đánh độc lập “Bám thắt lưng địch mà đánh”, dùng lực lượng nhỏ nhưng hiệu suất chiến đấu cao với những ý nghĩa lớn lao. Ngày 31 tháng 10 năm 1964 được chọn là ngày truyền thống của Lữ đoàn Pháo binh 75, Quân khu 7. .

1. Tình hình chung

Sau những thất bại nặng nề, nguy quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ bị sụp đổ khi Tổng thống Lyndon B. Johnson đưa ra kế hoạch tiếp theo sau khi kế hoạch Staley-Taylor bị phá sản hoàn toàn đó là: kế hoạch Lyndon B. Johnson - McNamara với âm mưu “bình định” có trọng điểm; Xác định Biên hòa là trọng điểm miền Nam (1964-1966). Chuẩn bị cho chiến tranh leo thang, Mỹ tăng cường viện trợ, điều động cố vấn đến từng cấp tiểu đoàn để nắm chặt lực lượng quân sự và bộ máy hành chính với quyết tâm mở rộng chiến tranh xâm lược.

Tháng 01/1964, địch tổ chức càn quét căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa ở Suối Cả (Long Thành) suốt 3 ngày 3 đêm liên tiếp hòng tiêu diệt bộ máy lãnh đạo tỉnh Biên Hòa. Song, cuộc càn quét không mang kết quả như mong muốn và hoàn toàn thất bại.

Tháng 03/1964, Trung ương Cục miền Nam đề ra nhiệm vụ năm 1964 là: “...Giữ vững mở rộng các khu căn cứ rừng núi và đồng bằng theo kịp sự phát triển của cách mạng, nhất là trên các địa bàn chiến lược... Đẩy mạnh phá ấp chiến lược để mở rộng vùng giải phóng, liên hoàn tiếp giáp với vùng căn cứ” (Nghị quyết hội nghị lần thứ 3 Trung ương Cục tháng 3 năm 1964 – tài liệu lưu trữ phòng lịch sử)

Đêm 12/09/1964, tiểu đoàn 800 kết hợp với bộ đội địa phương tấn công tiêu diệt chi khu Hiếu Liêm. Bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu và du kích các xã hỗ trợ quần chúng nhân dân phá ấp chiến lược Thiện Tân, Bình Long, Lợi Hòa, Tân Phú. Sau 57 ngày đêm bao vây và đánh viện binh, đêm 19 tháng 11 năm 1964, lần thứ 2 xã Trị An hoàn toàn giải phóng.

Đầu năm 1964, Long Thành và Nhơn Trạch phá hầu hết các ấp chiến lược.

Cuối năm 1964, lực lượng cách mạng ở tỉnh Biên Hòa và Long Khánh phát triển mạnh, các ấp chiến lược lần lượt bị phá bỏ.

2. Diễn biến

09/1964, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng chủ trương đẩy mạnh tiến công và nổi dậy: tiến lên giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới.

10/10/1964, Quân ủy quân sự Trung ương chỉ thị mở đợt hoạt động mùa khô 1964-1965 trên khắp chiến trường miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực nguy, kết hợp tiêu hao rộng rãi, thúc đẩy sự tan rã của lực lượng địch, phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành thêm nhiều nhân lực, mở rộng vùng giải phóng, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, làm tăng thêm sự khủng hoảng chính trị và mâu thuẫn nội bộ địch.

Bộ Chỉ huy quân sự Miền Nam (B2) chủ trương mở chiến dịch tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng. Hướng tập trung là các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.

Tháng 10 năm 1964, Tỉnh Ủy Biên Hòa tiến hành Đại hội tại căn cứ Suối Cả (Long Thành). Kể cả 1954, đây là lần đầu tiên Biên Hòa tổ chức Đại hội tỉnh Đảng bộ.

Trước tình hình mới, khả năng đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh, đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa tập trung chỉ đạo việc phát triển lực lượng, chuẩn bị nhân tài, vật lực để đánh Mỹ trên mọi mặt trận, mọi lúc.

Từ tháng 10 năm 1964, phối hợp với các lực lượng trinh sát Miền, Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo kết hợp điều nghiên địa hình, bố phòng sân bay Biên Hòa và chuẩn bị trận địa cho lực lượng pháo binh Miền và quân khu tấn công địch. (ban chấp hành Tỉnh ủy: Đồng chí Phan Văn Trang (Năm Trang) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy)

Sân bay Biên Hòa cách Sài Gòn 30 km về phía Đông Bắc là một trong những sân bay quân sự lớn nhất của Mỹ - ngụy ở miền Nam, rộng khoảng 49 km² với hai đường băng dài 36000m và 1000m. Sân bay được trang bị hệ thống rada, hệ thống chỉ huy liên lạc tốt tân. Bên trong sân bay có 6 khu rộng chứa từ 170 -190 máy bay, thường xuyên có 500 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật và hàng trăm binh lính Mỹ - ngụy đồn trú bảo vệ. Hệ thống phòng phủ sân bay được địch bố trí kiên cố và nghiêm ngặt gồm nhiều lớp hàng rào kễ gai với nhiều chiều rộng gần 1km, bãi mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều lô cốt, bót gác xung quanh. Ban đêm, sân bay được soi sáng bằng hệ thống đèn pha cực mạnh. Lực lượng bảo vệ sân bay gồm đại đội pháo binh, một đại đội xe tăng, một tiểu đoàn quân 3 ngụy, bên ngoài sân bay có một tiểu đoàn quân Mỹ và một tiểu đoàn lính bảo an ngụy thường xuyên tuần tra canh gác.

Bộ chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) và Nguyễn Văn Búa (Hai Hồng Lâm) tổ chức chỉ huy trận đánh. Huyện ủy Vĩnh Cửu

huy động lực lượng gần 100 dân công tham gia tải đạn từ chiến khu Đ để phục vụ cho trận đánh.

Lực lượng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu gồm một đại đội cối 81 (7 khẩu), một đại đội DKZ 75 (2 khẩu) của Miền kết hợp một đại đội cối 81 (3 khẩu), một trung đội đặc công tiểu đoàn 800 của quân khu miền Đông (T1), đại đội địa phương tỉnh Phước Thành và lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa.

Chiều 31 tháng 10 năm 1964, từ căn cứ chiến khu Đ, các đơn vị xuất phát, bó mật hành quân đến vị trí tập kết, bố trí trận địa tại Hóc Bà Thúc (phường Tân Phong) phía Đông Bắc sân bay Biên Hòa.

23 giờ 30 đêm 31 tháng 10 năm 1964, pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn vào sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận rung lên vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút gần 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philipin (U2), diệt và làm bị thương 253 tên địch, thiêu hủy và làm nổ tung hoàn toàn 2 kho đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 căn trại lính. Địch không kịp phản ứng, ta rút về căn cứ an toàn.

Sáng 1 tháng 11 năm 1964, Taylor đại sứ Mỹ từ Sài Gòn tức tốc đến sân bay Biên Hòa, thốt lên: “Rõ ràng Việt Cộng làm một việc chưa hề có...” và “Tôi không muốn nhìn thấy cảnh tượng này nữa”. Báo thế giới Tây Đức nhận xét rằng: “Trận đòn của Việt Cộng đánh vào sân bay Biên Hòa làm cho các nhà quân sự ở Hoa Thịnh Đốn rất đau đầu. Người ta cho rằng không còn có gì thêm nữa, Việt Cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đô la cho không quân Mỹ”(Dư Địa Chí – Phần Lịch Sử)

3. Ý nghĩa lịch sử và bài học

Đây là một trận đánh táo bạo, bất ngờ. lần đầu tiên, pháo binh Miền đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào quần chúng, mở đầu hàng loạt trận pháo kích vào các mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ ngụy. Chiến thắng tại sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước. Lực lượng pháo binh Miền được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với chiến công hiển hách này của lực lượng pháo binh Biên Hoà đã được tặng thưởng Huân chương Quân công Giải Phóng hạng nhất và được Bộ Chỉ Huy Miền tặng danh hiệu: "*Đoàn pháo binh Biên Hòa xung kích - bắn giỏi - toàn năng - sáng tạo - tự lực tự cường*".

Và cũng qua trận tập kích này, lực lượng đoàn pháo binh Biên Hòa đã không ngừng lớn mạnh, tiếp tục phát huy chiến thuật tập kích này và mở đường hàng chục trận đánh vào sân bay Biên Hòa, tổng kho hậu cần Long Bình... Tiêu diệt tiêu hao nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch ở 2 căn cứ quân sự quan trọng này. Lực lượng đã liên tiếp lập được nhiều chiến công vang dội gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề... Ôn lại truyền thống để nuôi sống tương lai, truyền thống bao giờ cũng là sự thiêng liêng gắn liền với lịch sử của đất nước, của dân tộc và của thời đại. Chiến thắng sân bay Biên Hòa đã đi vào lịch sử như một thiên anh hùng ca tuyệt vời, ghi thêm vào lịch sử một chiến công mới của LLVT Biên Hoà. Là một bộ phận của đất nước, của dân tộc, mang truyền thống bất khuất, quân và dân Biên Hòa càng thấy vinh dự tự hào về phần đóng góp chiến công của mình vào sự nghiệp chung của đất nước, đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng tổ quốc trên quê hương Biên Hoà thân yêu của mình.

Sau tất cả, “Tinh thần đoàn kết” và “Ý chí chiến đấu” đã tạo động lực cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Theo lời Đại tá Đỗ Văn Khiếu, Chính ủy Lữ đoàn Pháo binh 75/QK7 thì có 5 bài học được rút ra sau trận đánh, đó là: Sử dụng lối đánh độc lập dùng lực lượng nhỏ, trang bị phù hợp để

tiến công lực lượng địch với quy mô lớn hơn gấp nhiều lần. Nắm chắc địch “Bám thắt lưng địch mà đánh”. Dựa vào dân, phát huy sức mạnh của các lực lượng, đơn vị bạn, địa phương, dân quân, du kích trong quá trình tổ chức chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu. Lựa chọn thời cơ đúng lúc, đánh vào chỗ địch không phòng bị.

Nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng, tinh thần khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Như Hegel từng nói: Cái nhìn đầu tiên vào Lịch sử cho chúng ta thấy rằng hành động của con người xuất phát từ nhu cầu, lòng nhiệt huyết, tính cách và tài năng; và khiến chúng ta tin rằng những nhu cầu, lòng nhiệt huyết và mối quan tâm đó là nguồn động cơ duy nhất của hành động”.

Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, việc giữ vững tinh thần và ý chí chiến đấu, sẵn sàng đối mặt với mọi thách thức sẽ giúp bản thân trưởng thành và tôi luyện lòng quả cảm. trong cuộc sống thường ngày hay ở công việc, việc tìm ra phương pháp sẽ giúp vấn đề được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả. Thành công nằm ở việc nắm chắc cơ hội và thái độ tiếp nhận. Thế hệ những người đi sau tiếp nối tinh thần của người đi trước để gìn giữ và phát huy không ngừng những bài học xương máu vô cùng đắt. Mỗi trận đánh đi qua, những bài học để lại. Sự chiêm nghiệm về thái độ trân trọng những gì đang có trong cuộc sống: tình yêu thương, tình đoàn kết, ý chí chiến đấu với khó khăn, không ngừng tôi luyện bản thân và nắm vững cơ hội... đó là những yếu tố không thể thiếu trong một người lính, một người yêu nước dù ở thế hệ nào.

III. Những người tham gia tổ chức chỉ huy trận đánh sân bay Biên Hòa 1964

Bộ chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) và Nguyễn Văn Búra (Hai Hồng Lâm) tổ chức chỉ huy trận đánh. Huyện ủy Vĩnh Cửu huy động lực lượng gần 100 dân công tham gia tải đạn từ chiến khu Đ để phục vụ cho trận đánh. In phép được giới thiệu đôi nét về hai nhân vật tiêu biểu của trận tập kích sân bay Biên Hòa 1964:

1. Lương Văn Nho

Lương Văn Nho sinh năm 1916 (xã Long An, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa). Từ nhỏ Lương Văn Nho nổi tiếng học giỏi, được cấp học bổng và đậu bằng Thành Chung. Năm 1934, ông được hăng xà bông Trương Văn Bền ở Chợ Lớn mời làm kế toán. Đến năm 1939, chiến tranh thế giới thứ 2 diễn ra, ông về lại quê nhà làm thư ký cho Kho bạc tỉnh Biên Hòa và bắt đầu tham gia phong trào kháng chiến. Lương Văn Nho được mệnh danh là “vua pháo kích” khi tham gia trận đánh sân bay Biên Hòa 1964.

Tháng 11-1946, được tỉnh chỉ đạo, UBND huyện Long Thành đổi thành Ủy ban Hành chánh kháng chiến; Giải phóng quân Long Thành được củng cố thành Đại đội C, do ông Hai Nhã làm Đại đội trưởng kiêm Huyện đội trưởng.

Tháng 9-1947, Ủy ban Hành chánh kháng chiến Long Thành đổi thành Ủy ban Kháng chiến hành chánh. Đại đội trưởng Lương Văn Nho được chỉ định kiêm chức Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chánh huyện. Chiến trận ngày càng ác liệt, ông trở thành Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Quang Trung. Đ

Năm 1949, ông được cử làm Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Biên Hòa. Cuối năm 1951, ông chuyển sang làm Tham mưu trưởng Tỉnh đội Bà Rịa - Chợ Lớn.

Tập kết ra Bắc, ông được bổ nhiệm làm Tư lệnh Pháo binh Sư đoàn 338, rồi Tư lệnh Pháo binh Sư đoàn 330 và Tư lệnh Pháo binh Quân khu Hữu Ngạn.

Về đến miền Nam vào đầu năm 1964, ông được Bộ Chỉ huy Miền phân công làm Phó chủ nhiệm Pháo binh Miền, phụ trách công tác xây dựng và huấn luyện chiến đấu.

Đang tập trung xây dựng Đoàn pháo binh U80, ông được lệnh tổ chức đánh sân bay Biên Hòa (căn cứ quân sự hiện đại nhất trong vùng Đông Nam Á thời bấy giờ) nhằm thực hiện chỉ thị của Quân ủy Trung ương trong việc mở màn đợt hoạt động mùa khô 1964-1965.

Trận tập kích vào sân bay Biên Hòa đêm 31-10-1964 thắng lợi lừng lẫy đến mức ở Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm thơ ca ngợi chiến thắng sân bay Biên Hòa: “Uy danh lừng lẫy khắp năm châu”. Giới chức quân sự Sài Gòn sau đó gọi ông là... “vua pháo kích”.

Trước cuộc chiến đấu giành quyền kiểm soát vùng yết hầu chiến lược ngày càng trở nên khốc liệt, ngày 15-4-1966, Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập Đặc khu quân sự Rừng Sác (lấy mật danh T10, sau đó đổi thành Đoàn 10) và chỉ định ông Hai Nhã làm Đoàn trưởng kiêm Bí thư Ban cán sự Đoàn 10. Ban chỉ huy Đặc khu quân sự kiêm luôn công tác chính quyền với 20 xã trong vùng rừng Sác để xây dựng thành khu căn cứ bàn đạp vững chắc, bảo đảm cho lực lượng vũ trang luôn trong tư thế tấn công địch làm tiêu hao nhiều sinh lực, phương tiện chiến tranh của Mỹ - ngay khi chúng di chuyển trên sông Lòng Tàu; đồng thời tích cực xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng, phát động phong trào chiến tranh du kích ở địa phương...

Anh hùng lực lượng vũ trang, Đại tá Lê Bá Ước, nguyên Chính ủy và Trung đoàn trưởng Đặc công Rừng Sác, kể: “Ông Hai Nhã là người chỉ huy thao lược. Vừa vào T10, ông đã trực tiếp chỉ đạo đánh 2 trận vang dội làm rung động đến Ngũ giác đài của Mỹ. Trong đó có trận diệt chiến hạm Thần tượng chiến thắng Batonouge trọng tải 10 ngàn tấn đang chở 100 xe thiết giáp M113, 3 máy bay phản lực... vừa xuất xưởng sang chiến trường Nam Việt Nam trong ngày 23-8-1966, tại

vàm Ngã Bảy. Ông Hai Nhã còn có những sáng kiến thần kỳ là kết hợp thủy lôi với pháo để đánh tàu, làm thủy lôi giả để biến trận địa thủy lôi trở nên giả, thật lẫn lộn khiến đối phương bối rối, tạo điều kiện cho ta dùng pháo, súng trường... ra tay “làm bàn”. Đặc biệt, nhằm khắc phục địa bàn sông nước bãi bùn lầy lội, ông chỉ đạo cho khẩu đội DKZ 75 bí mật len lỏi vào tận bờ rạch Bà Vạt nằm ngay tầm bắn của pháo binh Trường sĩ quan võ bị Thủ Đức nã liên tiếp 12 phát đại pháo vào khu vực diễu binh chào mừng quốc khánh nền Đệ nhị Cộng hòa sáng 1-11-1966 trên đại lộ Thống Nhất, ngay trước dinh Độc Lập làm “tổng thống” Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ và các quan khách VIP, như: Henry Cabot Lodge, Westmoreland... đều cuống cuống ẩn nấp dưới bục lễ đài trước sự chứng kiến của giới truyền thông quốc tế.

Sau ngày thống nhất đất nước, Đại tá Hai Nhã, Phó tham mưu trưởng Quân giải phóng miền Nam kiêm Phó tư lệnh Đoàn 232 trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử được cử làm Phó tư lệnh Quân khu 7 kiêm Trưởng ban tổng kết chiến tranh B2; rồi Thiếu tướng, Phó tư lệnh kiêm Trưởng phòng Lịch sử quân sự Quân khu 7.

Trong nhiệm vụ mới, ông đã tận tâm xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu, biên soạn rất năng nổ, có tay nghề cao; nhanh chóng ra mắt hàng loạt công trình có giá trị lịch sử, như: Chiến khu Rừng Sác, Chiến khu Đ, Lịch sử miền Đông Nam bộ kháng chiến, Biên niên sử Quân khu 7, Tổng kết chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Junction City, Chiến dịch Bình Giã...

2. Nguyễn Văn Búra

Ông sinh ngày 20 tháng 5 năm 1922 trong một gia đình trung nông ở làng Tân Mỹ Đông, quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định; nay thuộc huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn Búra là người có tố chất quyết đoán, ham học hỏi và kiến thức quân sự ; ông sớm tham gia hoạt động cho phong trào Việt Minh.

Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, ông đã vận động tập hợp thanh niên trong làng thành lập một đội cảm tử do ông làm đội trưởng. Khi Pháp nổ súng tái chiếm Nam Bộ, ông đã chỉ huy 2 tiểu đội vũ trang sáp nhập với lực lượng của ông Tô Ký, chính thức tham gia kháng chiến chống Pháp. Từ đó, ông lấy mốc ngày 23 tháng 9 năm 1945 làm ngày nhập ngũ của mình, với bí danh Nguyễn Hữu Nghĩa.

Trong kháng chiến chống pháp, ông là một trong những chỉ huy quân sự nổi bật của Việt Minh tại chiến trường ven Sài Gòn. Với cương vị Chỉ huy trưởng Huyện đội Hóc Môn, ông tham gia chỉ huy nhiều trận đánh lớn ở Lạc An (Biên Hòa), bót cầu bà Hồng (làng Nhị Bình), trận chống càn Bàu Trâm xã An Phú... Sau đó, ông trở thành cán bộ tham mưu Giải phóng quân rồi Liên quân Hóc Môn - Đức Hòa - Bà Điểm, Đại đội trưởng Đại đội 2, Chi đội 12 (tháng 6 năm 1946) (tương đương tiểu đoàn sau này, còn chi đội tương đương trung đoàn), Trưởng phòng Tác chiến Liên khu B, Khu 7 (tháng 3 năm 1947).

Khi Hiệp định Geneve được ký kết, ông được thăng cấp Trung đoàn trưởng, giữ nhiệm vụ Ủy viên Ban Liên hiệp đình chiến Khu vực Hàm Tân - Xuyên Mộc. Khi đến thời hạn tập kết, ông cùng gia đình lên tàu tập kết ra Bắc.

Sau khi tập kết ra Bắc, ông lần lượt giữ các chức vụ cán bộ tham mưu phụ trách quân lực Phòng tham mưu Sư đoàn 330, Trung đoàn phó kiêm Tham mưu trưởng Trung đoàn độc lập 656, Trưởng ban tác huấn Sư đoàn 338, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 664 rồi Tham mưu phó Sư đoàn 330. Năm 1959, ông được cử sang theo học tại Học viện Quân sự Nam Kinh (Trung Quốc). Giữa năm 1961, đang chuẩn bị thi tốt nghiệp ở Học viện Quân sự Nam Kinh, ông được Quân ủy

Trung ương gọi về cử vào Nam chiến đấu. Ngày 6 tháng 6 năm 1961, ông là Phó đoàn Đoàn cán bộ khung ba quân khu 7, 8, 9 gồm 400 cán bộ từ miền Bắc trở về miền Nam, gọi là Đoàn Phương Đông II, đồng thời là Phó Bí thư Đảng ủy Đoàn.

Tháng 9 năm 1961, ông về lại chiến trường miền Nam với cương vị Chỉ huy phó kiêm Tham mưu trưởng Quân khu miền Đông Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Lúc này ông lấy bí danh là Nguyễn Hồng Lâm, theo tên con trai ông. Từ tháng 11 năm 1963, ông là Tư lệnh Phân khu 1 Sài Gòn - Gia Định; cuối năm 1964, là Chỉ huy phó chiến dịch Bình Giã. Từ tháng 8 năm 1965, ông là quyền Chỉ huy trưởng Quân khu miền Đông (mặt trận phối hợp) trong chiến dịch Đồng Xoài, Chỉ huy phó chiến dịch đông-xuân 1965 – 1966 và tham gia chỉ huy các cuộc pháo kích sân bay quân sự Biên Hòa, tổng kho Long Bình trong các năm 1964, 1966, 1967.

Mùa thu năm 1967, Quân khu miền Đông (T7) và Quân khu Sài Gòn – Gia Định (T4) giải thể. Ông được chuyển về làm Chỉ huy trưởng Phân khu 1, rồi Chỉ huy trưởng Phân khu 5. Trong sự kiện Mậu Thân, ông chỉ huy các lực lượng tiến công đánh vào hướng Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, sân bay Tân Sơn Nhất, kho bom Gò Vấp và các địa bàn vùng ven.

Cuối năm 1969, ông trở lại làm Chỉ huy trưởng Quân khu 7, bao gồm Phân khu 4, tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, luôn cả rừng Sác Đoàn 10, chỉ huy lực lượng Quân Giải phóng tập kích nhiều trận trên dọc đường 1, đường 15, đường 2 Bà Rịa, giao chiến với nhiều đơn vị thiện chiến của Lực lượng Mỹ như Sư đoàn 25 Tia chớp nhiệt đới, Sư đoàn 1 Anh cả đỏ, Sư đoàn kỵ binh bay, Lữ đoàn dù 199, Trung đoàn thiết giáp 11...

Tháng 8 năm 1971, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy quân sự Miền và một năm sau kiêm giữ trách nhiệm Chỉ huy trưởng

Quân khu miền Đông (T1). Năm 1973, ông được rút ra Bắc công tác tại Bộ Quốc phòng. Năm 1974, ông được thăng quân hàm Thiếu tướng.

Sau năm 1975, ông được bổ nhiệm làm Phó ban thanh tra Bộ tư lệnh Miền, rồi Phó tư lệnh kiêm Trưởng ban Thanh tra Quân khu 7, Phó Tư lệnh kiêm Cục trưởng Cục Xây dựng kinh tế Quân khu 7. Và từ cuối năm 1984, phụ trách công tác tổng kết chiến tranh, nghiên cứu biên soạn lịch sử quân sự của quân khu.

Ông qua đời năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. Di tích lịch sử - Tượng Đài Chiến Thắng

Ngày 31/10/1964, trận tập kích sân bay Biên Hòa thành công là một trong những trận đánh gây tiếng vang lớn, đem lại thắng lợi của quân dân Biên Hòa trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ xâm lược, tô thắm trang sử vàng của vùng đất "miền Đông gian lao mà anh dũng".

“Một thế hệ ngoảnh mặt lại với lịch sử là một thế hệ không có quá khứ - và cũng không có tương lai.” (Robert A Heinlein). Ghi nhớ và nhắc nhở về hy sinh và đóng góp to lớn của quân dân anh dũng hiên ngang chiến đấu, Đảng bộ và Nhà nước đã cho xây dựng tượng đài chiến thắng sân bay Biên Hòa. Cảnh thư viện tỉnh Đồng Nai và Khu liên hợp văn hóa - thể thao Đồng Nai (đường Nguyễn Ái Quốc, TP.Biên Hòa) có cụm tượng đài vươn cao, thể hiện tinh thần chiến thắng của quân dân Biên Hòa. Năm 1994, cụm tượng đài được xây dựng với hai mảng chính: Mảng phù điêu bằng chất liệu đồng và tượng đài bằng chất liệu gốm.

Tượng đài chiến thắng sân bay Biên Hòa là một trong những minh chứng sống động, hào hùng cho những vẻ vang của dân tộc nói chung và Đồng Nai nói riêng. “Trên mảng phù điêu thể hiện hình ảnh người dân Biên Hòa bí mật đưa bộ đội qua sông, cảnh Sân bay Biên Hòa bị phá hủy sau trận tấn công của quân giải phóng. Cụm tượng đài có bốn hình tượng nhân vật hiên ngang trên một phân xác

máy bay địch. Người chiến sĩ pháo binh ôm quả đạn cối reo mừng chiến thắng; chiến sĩ bộ binh giữ chặt súng trường trong tư thế tiến công; bộ đội đặc công ôm khối thuốc nổ hướng thẳng mục tiêu; cô dân quân nhẹ nhàng với tay chèo hài hòa thể hiện sự đoàn kết, kề vai sát cánh, phối hợp chiến đấu để làm nên chiến thắng vẻ vang. Đó là cụm tượng đài chiến thắng Sân bay Biên Hòa: nhắc về một sự kiện lịch sử quan trọng của quân dân Biên Hòa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.” (thư viện Đồng Nai)

Tại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng (5/1/1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng không quên nhắc nhở : “Ăn quả phải nhớ người trồng cây. Trong cuộc tung bồng vui vẻ hôm nay, chúng ta phải nhớ đến những anh hùng, liệt sĩ của Đảng ta, của dân ta” và “Máu đào của các liệt sĩ ấy đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ đã chuẩn bị cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết quả tự do. Nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ và chúng ta phải luôn luôn học tập tinh thần dũng cảm của các liệt sĩ để vượt tất cả mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành sự nghiệp cách mạng mà các liệt sĩ đã chuyển lại cho chúng ta...” Sống giữa ngày tháng yên bình của đất nước, mọi người mong muốn được tận hưởng những điều kiện tốt nhất về cả vật chất lẫn tinh thần. Đó là những khát khao chính đáng và tất yếu. Song, những giá trị truyền thống của dân tộc vẫn mãi trường tồn theo thời gian. Những người con anh hùng, kiên trung bất khuất, kiên khuất, mang trong mình lòng yêu nước sẵn sàng hy sinh, đấu tranh cho độc lập tự do Tổ quốc... vẫn ở trong lòng những người ở lại. Chiến tranh khốc liệt đã đi qua hơn mấy mươi năm, nhưng còn đâu đó những điều khó có thể nào lãng quên. Những người lính đến với thử thách gian lao giữa chiến trường đạn bom chờ sẵn, họ chấp nhận hy sinh, đứng giữa ranh giới của sự sống và cái chết mong manh không thể đoán trước chuyện gì rồi sẽ đến. Những trận đánh dù thắng hay thất bại thì sự hy sinh của người lính luôn là nỗi đau lớn nhất, với những người thân yêu, với xóm giềng, đồng đội và với cả Tổ quốc. Những con đường ngày nay không ít

nhieu ghi dấu chân của các anh, các chị, những người cô, những người chú,... hành quân chiến đấu. Họ chấp nhận hy sinh không kể đến ngày mai có ra sao, chịu đói rét, mặc rách, nằm ngủ ở rừng, chứng kiến bao cảnh máu xương đồng đội đổ xuống và có thể ngày mai hay lát nữa chính bản thân mình cũng nằm lại trên đất mẹ vì Tổ quốc độc lập, nhân dân được tự do.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VÀ CÁC DI TÍCH, ĐỊA DANH



Nhà cổ Trần Ngọc Du trên đường Bùi Hữu Nghĩa

Ngôi nhà được ông Trần Ngọc Du xây dựng năm 1900. Kiến trúc nhà được xây dựng theo kiểu thức nhà rọi – một trong những dạng kiến trúc nhà truyền thống của người Việt vùng nông thôn Nam Bộ. Nhà có 3 gian, hai chái; mái lợp ngói âm dương, nền lát gạch tàu. Điều đặc biệt là những thành tố cấu thành kiến trúc cho ngôi nhà chủ yếu bằng gỗ quý, được thợ điêu khắc chạm trổ tinh xảo.



Chùa Vạn Linh trên đường Bùi Hữu Nghĩa

Chùa Vạn Linh tọa lạc trên đỉnh núi Ông Sảnh thuộc ấp 4, phường Tân Vạn, Tp. Biên Hòa, nhân dân gọi là chùa Ông Sảnh. Trước chùa là ao sen quanh năm nở hương thơm ngát... Chùa Vạn Linh không những đẹp về cảnh quan sơn thủy, hùng vĩ thơ mộng mà còn có giá trị về lịch sử xây dựng, đặc biệt bộ tượng thờ và nhiều đồ gỗ thờ cúng trong chùa có giá trị về cổ vật xứng đáng được bảo quản tốt.



Chùa Thanh Lương trên đường Bùi Hữu Nghĩa
(Bùi Hữu Nghĩa, Bửu Hoà, tp.Biên Hòa, Đồng Nai)



Hòa, trước đây có thờ long vị của đức ông Trần Thượng Xuyên. Chùa được xây dựng năm 1684. Chùa nằm trong khuôn viên rộng khoảng 800m². Xung quanh có tường rào xi măng và rào sắt. Trước cổng chùa có hai cây bồ đề đại thụ cao hơn 10m, cành lá sum suê, quanh năm tỏa bóng mát. Dưới gốc cây đại thụ bên trái có bệ thờ Phật chuyển pháp luân giáo hóa cho 5 anh em Kiều Trần Như...

Thanh Lương Cổ Tự, một trong những ngôi chùa cổ kính ở Biên



Tượng Đài A-42 Sân Bay Biên Hòa

Tượng đài A-42 nằm Gần Khu liên hợp văn hóa - thể thao Đồng Nai (đường Nguyễn Ái Quốc, TP.Biên Hòa) vươn cao, thể hiện tinh thần chiến thắng của quân dân Biên Hòa. Cụm tượng đài được xây dựng năm 1994, với hai mảng chính: Mảng phù điêu bằng chất liệu đồng và tượng đài bằng chất liệu gốm. Trên mảng phù điêu thể hiện hình ảnh người dân Biên Hòa bí mật đưa bộ đội qua sông, cảnh Sân bay Biên Hòa bị phá hủy sau trận tấn công của quân giải phóng. Cụm tượng đài có bốn hình tượng nhân vật hiên ngang trên một phần xác máy bay địch.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Địa chí Đồng Nai (tập III – Lịch Sử)
2. Việt Nam sử lược
3. Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, NXB Đồng Nai, 1988
4. Lịch sử địa phương tỉnh Đồng Nai, Phan Sỹ Anh – Dương Thị Kim Liên
5. Lịch sử khẩn hoang miền Nam / Sơn Nam (Biên Khảo), nhà xuất bản Trẻ
6. Lịch sử vùng đất Nam Bộ / GS, TSKH Vũ Minh Giang (Chủ biên), nhà xuất bản Thế Giới
7. Lương Văn Lưu, Biên Hòa sử lược toàn biên, Quyển 2, Sài Gòn, 1973
8. Quốc sử quán triều Nguyễn - Đại Nam thực lục
9. Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược. NXB Tân Việt, Sài Gòn, 1968
10. Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam
11. Bùi Hữu Nghĩa – con người và tác phẩm
12. Đồng Nai những trận đánh điển hình trong chiến tranh giải phóng (1945–1975) – tập 1
13. Đồng Nai 30 năm chiến tranh giải phóng – NXB Đồng Nai 1986
14. 55 năm thành phố Biên Hòa – Ban Tuyên giáo Biên Hòa 1988
15. Trận đấu đánh Mỹ - NXB Quân Đội Nhân Dân 1992
16. Kỷ niệm 50 năm chiến thắng sân bay Biên Hòa (31/10/1964 – 31/10/2014)
Đòn đánh phủ đầu quân xâm lược Mỹ - Biện ý chỉ thành hành động (Bài 1)
Trang thông tin điện tử thành phố Biên Hòa
17. Bài học rút ra từ trận đánh năm xưa (31-10-1964) - Đại tá ĐỖ VĂN KHIẾU,
Chính ủy Lữ đoàn Pháo binh 75/QK7 (<http://qk7.qdnd.vn/>)
18. Tỉnh Đồng Nai: <http://dongnai.gov.vn>
19. Thư viện tỉnh Đồng Nai: <http://thuviendongnai.gov.vn>
20. Sở khoa học và Công nghệ Đồng Nai: <http://dost-dongnai.gov.vn>
21. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: <http://svhttdl.dongnai.gov.vn>
22. Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai: <http://disandongnai.com>
23. <http://Namkyluctinh.org>
24. <http://baodongnai.com.vn>
25. <http://tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>
26. www.bienhoa.gov.vn
27. <http://cantho.gov.vn/>
28. vi.wikipedia.org